

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Dự án thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông Lại Giang
Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai
tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 20/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 04 Tiểu dự án tại các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên, Ninh Thuận thuộc dự án “Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung”, vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh tại Tờ trình số 63/TTr-BQL ngày 28/3/2017 và thông báo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 1039/SNN-QLXDCT ngày 28/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp đê sông Lại Giang thuộc dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định.

2. Tên dự án thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông Lại Giang.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

4. Tổ chức tư vấn lập dự án: Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng miền Trung.

5. Chủ nhiệm lập dự án: Thạc sỹ Đỗ Cảnh Hào.

6. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

6.1 Mục tiêu tổng thể của dự án:

Khắc phục hậu quả thiên tai thông qua việc tái thiết các công trình hạ tầng ưu tiên thiệt hại nặng nề bởi bão lụt năm 2016 và tăng cường khả năng đề ứng phó hiệu quả đối với các vấn đề thiên tai trong tương lai. Cụ thể:

- Sửa chữa, khắc phục và nâng cấp các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (đê, kè sông, đập dâng, kênh tưới tiêu,...) nhằm khôi phục sản xuất, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, giảm thiểu rủi ro do thiên tai gây ra.

- Khắc phục hư hỏng đối với các công trình hạ tầng giao thông để phục vụ việc đi lại của nhân dân, giao thương hàng hóa, phát triển sản xuất.

6.2. Mục tiêu cụ thể của dự án thành phần:

- Sửa chữa, khắc phục và nâng cấp 6.055m đê, kè sông của 06 hạng mục công trình trên lưu vực sông Lại Giang nhằm khôi phục sản xuất, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, giảm thiểu rủi ro do thiên tai gây ra; chống xói lở bờ sông, giữ ổn định lòng dẫn và tăng cường khả năng thoát lũ của sông.

- Kết hợp làm đường giao thông trên mặt đê để phục vụ đời sống, sản xuất của nhân dân, bảo đảm công tác cứu hộ, cứu nạn khẩn cấp khi mưa bão xảy ra làm chia cắt cô lập các khu vực vùng hạ lưu.

- Cải tạo môi trường sinh thái dọc tuyến sông.

7. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

Sửa chữa, khắc phục và nâng cấp 6.055m đê, kè sông của 06 hạng mục công trình trên lưu vực sông Lại Giang, bao gồm:

- Sửa chữa đê sông An Lão, thị trấn An Lão và xã An Hòa, huyện An Lão, dài 1.558m;

- Kè chống sạt lở bờ sông Kim Sơn thôn Phú Hữu, xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân, dài 1.031m;

- Kè chống sạt lở bờ sông Kim Sơn đoạn thôn Nhơn Sơn, xã Ân Nghĩa và đoạn suối Tem xã Bok Tới, huyện Hoài Ân dài 1.095m;

- Kè chống sạt lở sông Kim Sơn, xã Hoài Đức, huyện Hoài Nhơn, dài 1.138m;

- Kè ngăn lũ khu dân cư thôn Phú An, xã Hoài Hương, huyện Hoài Nhơn, dài 301m;

- Kè suối Quán Dưa xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn, dài 932m.

8. Địa điểm xây dựng: Huyện An Lão, Hoài Ân và Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

9. Diện tích sử dụng đất: Diện tích chiếm đất 13,31ha, trong đó diện tích chiếm đất vĩnh viễn 11,49ha, diện tích chiếm đất tạm thời 1,82ha.



10. Loại và cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

11. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

12. Phương án thiết kế cơ sở:

12.1. Sửa chữa đê sông An Lão, thị trấn An Lão và xã An Hòa, huyện An Lão:

- Tần suất mực nước và lưu lượng thiết kế: $P=10\%$.
- Chiều dài tuyến đê: 1.558m. Trong đó: Đoạn 1 thuộc thị trấn An Lão dài 967m, đoạn 2 thuộc xã An Hòa dài 591m.
- Cao trình đỉnh đê: Đoạn 1 thay đổi từ +19.45m đến +18.00m, đoạn 2 thay đổi từ +29.80m đến +29.21m.
- Kết cấu mặt đê: Đoạn 1 rộng 5m, đoạn 2 rộng 4m, gia cố bằng bê tông M250 đá 2x4, dày 18cm kết hợp giao thông.
- Kết cấu thân đê: Đắp đất đôi đầm chặt $K=0,95$.
- Kết cấu mái đê:
 - + Đoạn 1: Mái phía sông gia cố bằng bê tông M200 đá 1x2 dày 10cm dưới lót bạt nhựa trong khung vây bê tông cốt thép M200 đá 1x2, kích thước bxxh = (25x30)cm, cắt nhịp dài 11,65m. Mái phía đồng trồng cỏ.
 - + Đoạn 2: Mái phía sông gia cố bằng đá lát khan dày 20cm, đệm dăm 2x4 dày 10cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung vây bê tông cốt thép M200 đá 1x2, kích thước bxxh = (25x30)cm, cắt nhịp dài 11,65m. Mái phía đồng trồng cỏ.
- Hệ số mái đê: Phía sông $m=2,0$; phía đồng $m=1,5$.
- Gia cố chân đê: Bằng dăm bê tông cốt thép M200, kích thước bxxh=(25x50)cm trên lãng trụ đá học đồ rôi.
- Công trình trên tuyến: Xây dựng 04 cống tiêu bằng ống bê tông ly tâm và 01 tràn qua đê.

12.2. Kè chống sạt lở bờ sông Kim Sơn, thôn Phú Hữu, xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân:

- Tần suất mực nước và lưu lượng thiết kế: $P=10\%$.
- Chiều dài tuyến kè: 1.031m. Trong đó: Đoạn 1 dài 751m, đoạn 2 dài 280m.
- Cao trình đỉnh kè: +19.00m.
- Kết cấu mặt kè: Đắp đất đôi đầm chặt $K=0,95$, mặt kè rộng 4m.
- Kết cấu thân kè: Đắp đất đôi đầm chặt $K=0,95$.
- Kết cấu mái kè: Mái phía sông gia cố bằng tấm bê tông (45x45x10)cm, đệm dăm 2x4 dày 10cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung vây bê tông cốt thép M200 đá 1x2, kích thước bxxh = (25x30)cm, cắt nhịp dài 11,65m, dầm ngang mái kích thước bxxh = (25x30)cm. Mái phía đồng trồng cỏ.

VH

- Hệ số mái kè: Phía sông $m=2,0$; phía đồng $m=1,5$.
- Gia cố chân kè: Bằng đầm bê tông cốt thép M200, kích thước bxxh = (25x50)cm trên lăng trụ đá học đồ rồi có đỉnh rộng 1,25m, hệ số mái $m=1,5$.
- Công trình trên tuyến: Xây dựng 09 cống tiêu bằng ống bê tông ly tâm.

12.3. Kè chống sạt lở bờ sông Kim Sơn đoạn thôn Nhơn Sơn, xã Ân Nghĩa và đoạn suối Tem xã Bok Tới, huyện Hoài Ân:

- Tần suất mực nước và lưu lượng thiết kế: $P=10\%$.
- Chiều dài tuyến kè: 1.095m. Trong đó: Đoạn suối Tem dài 268m, đoạn Nhơn Sơn dài 827m.
- Cao trình đỉnh kè: Đoạn suối Tem từ +40.38m đến +38.66m, đoạn Nhơn Sơn từ +19.50m đến +17.50m.
- Kết cấu mặt kè: Mặt kè rộng 4m, gia cố bằng bê tông M250 đá 2x4, dày 18cm kết hợp giao thông.
- Kết cấu thân kè: Đắp đất đôi đầm chặt $K=0,95$.
- Kết cấu mái kè: Mái phía sông được gia cố bằng đá lát khan dày 20cm, trong khung vây bê tông cốt thép M200 đá 1x2, kích thước bxxh = (25x30)cm, cắt nhịp dài 11,65m. Mái phía đồng được gia cố bằng đá lát khan dày 20cm và trồng cỏ.

- Hệ số mái kè: Phía sông $m=2,0$; phía đồng $m=1,5$.
- Gia cố chân kè: Bằng đầm bê tông cốt thép M200, kích thước bxxh = (25x50)cm trên lăng trụ đá học đồ rồi có đỉnh rộng 1,25m, hệ số mái $m=1,5$.
- Công trình trên tuyến: Xây dựng 04 cống tiêu bằng ống bê tông ly tâm.

12.4. Kè chống sạt lở sông Kim Sơn, xã Hoài Đức, huyện Hoài Nhơn:

- Tần suất mực nước và lưu lượng thiết kế: $P=10\%$.
- Chiều dài tuyến kè: 1.138m.
- Cao trình đỉnh kè: Thay đổi từ +13.00m đến +11.80m.
- Kết cấu mặt kè: Mặt kè rộng 4m, gia cố bằng bê tông M250 đá 2x4, dày 18cm kết hợp giao thông.
- Kết cấu thân kè: Đắp đất đôi đầm chặt $K=0,95$.
- Kết cấu mái kè: Mái về phía sông gia cố bằng tấm bê tông (45x45x10)cm, đệm dầm 2x4 dày 10cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung vây bê tông cốt thép M200 đá 1x2, kích thước bxxh = (25x30)cm, cắt nhịp dài 11,65m. Mái phía đồng trồng cỏ.

- Hệ số mái kè: Phía sông $m=2,0$; phía đồng $m=1,5$.
- Gia cố chân kè: Bằng đầm bê tông cốt thép M200, kích thước bxxh = (25x50)cm trên lăng trụ đá học đồ rồi có đỉnh rộng 1,25m, hệ số mái $m=1,5$.
- Công trình trên tuyến: Xây dựng 04 cống tiêu bằng ống bê tông ly tâm.

Thư

12.5. Kè ngăn lũ khu dân cư thôn Phú An, xã Hoài Hương, huyện Hoài Nhơn:

- Tần suất mực nước và lưu lượng thiết kế: $P=10\%$.
- Chiều dài tuyến kè: 301m.
- Cao trình đỉnh kè: +5.60m.
- Kết cấu mặt kè: Đắp đất đôi đầm chặt $K=0,95$, mặt kè rộng 4m.
- Kết cấu thân kè: Đắp đất đôi đầm chặt $K=0,95$.
- Kết cấu mái kè: Mái phía sông gia cố bằng đá lát khan dày 20cm, đệm dăm 2x4 dày 10cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung vây bê tông cốt thép M200 đá 1x2, kích thước bxxh = (25x30)cm, cắt nhịp dài 11,65m. Mái phía đồng tự nhiên.
- Hệ số mái kè: Phía sông $m=2,0$; phía khu dân cư $m=1,5$.
- Gia cố chân kè: Bằng dăm bê tông cốt thép M200, kích thước bxxh = (25x50)cm trên lăng trụ đá học đồ rồi có đỉnh rộng 1,25m, hệ số mái $m=1,5$.

12.6. Kè suối Quán Dưa, xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn:

- Tần suất mực nước và lưu lượng thiết kế: $P=10\%$.
- Chiều dài tuyến kè: 932m. Trong đó: Bờ tả dài 466m, bờ hữu dài 466m.
- Cao trình đỉnh kè: Thay đổi từ +8.40m đến 7.56m.
- Kết cấu mặt kè: Đắp đất đôi đầm chặt $K=0,95$, mặt kè rộng 2m.
- Kết cấu thân kè: Đắp đất đôi đầm chặt $K=0,95$.
- Kết cấu mái kè: Mái phía sông gia cố bằng tấm bê tông (45x45x10)cm, đệm dăm 2x4 dày 10cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung vây bê tông cốt thép M200 đá 1x2, kích thước bxxh = (25x30)cm, cắt nhịp dài 11,65m. Mái phía đồng trồng cỏ.
- Hệ số mái kè: Phía sông $m=1,5$; phía đồng $m=1,5$.
- Gia cố chân kè: Bằng dăm bê tông cốt thép M200, kích thước bxxh = (25x50)cm trên lăng trụ đá học đồ rồi có đỉnh rộng 1,25m, hệ số mái $m=1,5$.

13. Phương án giải phóng mặt bằng:

- Phạm vi ảnh hưởng: Ảnh hưởng đến diện tích đất đai, cây cối, hoa màu của nhân dân các huyện An Lão, Hoài Ân và Hoài Nhơn.
- Cơ chế chính sách: Phương án giải phóng mặt bằng của dự án được lập và phê duyệt theo các quy định hiện hành Nhà nước.
- Phương thức thực hiện: UBND các huyện An Lão, Hoài Ân và Hoài Nhơn thành lập Hội đồng bồi thường để giải phóng mặt bằng trong phạm vi thi công xây dựng công trình của từng địa phương.

14. Tổng mức đầu tư: 75.123.609.000 đồng

(Bảy mươi lăm tỷ, một trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm lẻ chín nghìn đồng).

 5

Trong đó:

TT	Khoản mục chi phí	Tổng kinh phí (đồng)	Phân theo nguồn vốn	
			Vốn vay IDA (đồng)	Đối ứng (đồng)
1	Chi phí xây dựng	53.810.712.000	53.810.712.000	
2	Chi phí quản lý dự án	1.156.930.000		1.156.930.000
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	4.649.783.000	1.120.877.000	3.528.906.000
4	Chi phí khác	4.383.741.000	2.690.537.000	1.693.204.000
5	Chi phí bồi thường, GPMB	4.293.024.000		4.293.024.000
6	Chi phí dự phòng	6.829.419.000	5.762.213.000	1.067.206.000
	Tổng cộng	75.123.609.000	63.384.339.000	11.739.270.000

15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay của ngân hàng Thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách Nhà nước.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

17. Thời gian thực hiện: 04 năm (2017 – 2020).

18. Phương thức thực hiện dự án: Theo quy định của ngân hàng Thế giới, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án, chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định của ngân hàng Thế giới (WB).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện An Lão, Hoài Ân và Hoài Nhơn, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K1, K10, K19 (14b)



Trần Châu